TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **50**/2024/DS-ST
Ngày: 04/9/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê

2. Bà Phan Thị Bảo Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa *tham gia phiên toà*: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở chính: Số D - 42 - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực 7 Ngân hàng TMCP K (Theo Quyết định về việc ủy quyền phê duyệt, thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K)

Địa chỉ liên hệ: 184 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Văn S, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K (Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ số 1665/QĐ-NHKL ngày 24/6/2024 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K)

Địa chỉ liên hệ: Số B – 28 – 30 C, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**Bị đơn*: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024, Bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên ông Trần Ngọc H có vay của Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B1 (gọi tắt là Ngân hàng K) theo Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0020/17/TC/2400-266023 ký ngày 25/04/2017 với nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Mục đích vay: tiêu dùng

Thời hạn vay: 36 tháng

Lãi suất cho vay: 22%/năm

Lãi suất chậm trả: 3.5%/ số tiền chậm trả

Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày

Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 10 hàng tháng.

Tiền lãi vay được tính bằng (=) Dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) lãi suất vay (%/năm) Số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kì là 5%. Tỷ lệ này do K1 quy định và có thể thay đổi trong từng thời kì.

Số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kì=5%*(Dư nợ cuối kì- số tiền vượt mức trong kì- số tiền trả góp trong kì)+ Số tiền vượt hạn mức trong kỳ + số tiền trả góp trong kì

Dư nợ cuối kì = Dư nợ đầu kì – các khoản đã thanh toán trong kỳ + Các khoản chi tiêu trong kỳ + Phí + Lãi.

2.Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

-Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm.

3.Thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Trần Ngọc H chỉ thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 04/09/2024, ông Trần Ngọc H còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể:

Vốn gốc còn lại: 44,852,807 đồng

Lãi suất trong hạn:26,110,800 đồng

Lãi suất quá hạn: 14,906,651 đồng

Phí phạt vượt hạn mức: 4,022,000 đồng

Tổng Cộng:89,892,258 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi tám đồng)

Trong đó:

A.Vốn gốc: (ngày bắt trễ 07/07/2022)

Vốn gốc phát sinh:185,355,000 đồng

Vốn gốc đã thanh toán: 140,502,193 đồng

Vốn gốc còn lại chưa thanh toán: 44,852,807 đồng

B. Lãi phát sinh: (ngày bắt đầu phát sinh lãi 10/07/2022)

Lãi phát sinh: 73,742,538 đồng

Lãi phát sinh đã thanh toán: 47,631,738 đồng

Lãi phát sinh chưa thanh toán: 26,110,800 đồng

C.Phí chậm thanh toán: (Được tự động tính và ghi nợ vào tài khoản Thẻ của KH một lần/kỳ khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu sau ngày đến hạn thanh toán. Khoản phí này được tính trên số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán): (ngày bắt đầu phát sinh châm thanh toán 10/07/2022)

Phí chậm thanh toán phát sinh: 16,926,730 đồng

Phí chậm thanh toán đã thanh toán: 2,020,079 đồng

Phí chậm thanh toán chưa thanh toán:14,906,651 đồng

D.Phí Vượt hạn mức: (Được tự động tính và ghi nợ vào tài khoản thẻ của KH một lần/Kỳ khi KH sử dụng vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Khoản phí này được tính trên số tiền vượt hạn mức và đảm bảo mức phí vượt hạn mức tối thiểu theo quy định trong biểu phí của K1. Trong đó, số tiền vượt hạn mức bằng số dư trừ đi hạn mức, số tiền vượt hạn mức này được tính tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ sao kê mà KH sử dụng vượt hạn mức. Do đó, số dư có thể là số dư cuối kỳ hoặc bất kỳ thời điểm nào trong kỳ sao kê):

Phí vượt hạn mức phát sinh: 4,022,000 đồng

Phí vượt hạn mức đã thanh toán: 0

Phí vượt hạn mức chưa thanh toán: 4,022,000 đồng

•Lãi phát sinh:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015: " Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả".

Căn cứ Khoản 2 Điều 17 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016: "Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng Mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các Khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã ký với TCPHT."

•Các Loại Phí:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: " 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau: "Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi. Các hình thức thông báo và cung cấp thông tin về phí cho chủ thẻ phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Thời gian từ khi thông báo đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.

Các quy định về thỏa thuận lãi phí, thời hạn thanh toán của thẻ tín dụng được quy định trong phụ lục 01 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 ban hành kèm theo Quyết định 1445/QĐ-NHKL ngày 10/09/2021.

Căn cứ Quyết định 4619/QĐ-NHKL ngày 01/12/2023 V/v Ban hành Hạn mức, biểu phí dịch vụ Thẻ và Ngân hàng K. Các Quyết định về lãi suất và biểu phí được K1 niêm yết thông báo trên website và cho khách hàng khi cấp thẻ theo đúng quy định.

Nay, Ngân hàng K khởi kiện ông Trần Ngọc H đến Tòa án Nhân dân Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu xem xét, giải quyết:

Yêu cầu ông Trần Ngọc H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng K tổng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 89,892,258 (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi tám đồng) và tiền lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 05/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng K.

Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ngày 16/5/2024, Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện ông Trần Ngọc H để yêu cầu Tòa án buộc ông H trả số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Ngân hàng TMCP K khởi kiện và cung cấp địa chỉ của ông Trần Ngọc H theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng K và sổ tạm trú do Công an phường P, thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho ông Trần Ngọc H. Xác minh tại Công an phường P xác định: Năm 2012, ông Trần Ngọc H có đăng ký tạm trú tại tổ B, khu phố D, phường P, thành phố B nhưng đến ngày 18/6/2017 đã hết hạn nhưng không gia hạn; hiện nay ông H không cư trú tại địa phương. Ngày 25/4/2017, ông H ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K. Việc bị đơn đang có nghĩa vụ đối với Ngân hàng K nhưng thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới của mình theo quy định được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 25/4/20217, Ngân hàng TMCP K và ông Trần Ngọc H có ký kết Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0020/17/TC/2400-266023 với nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Tiêu dùng

Thời hạn vay: 36 tháng

Lãi suất cho vay: 22%/năm

Lãi suất chậm trả: 3.5%/ số tiền chậm trả

Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày.

Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm.

[2.2] Quá trình thực hiện, ngày 28/5/2020, Ngân hàng K đã cấp cho ông Trần Ngọc H 02 (hai) thẻ tín dụng (Giấy xác nhận thẻ pin ngày 09/5/2017 và Giấy xác nhận thẻ pin ngày 28/5/2020).

Ông Trần Ngọc H đã nhiều lần rút tiền, mua hàng thông qua các thẻ tín dụng đã được cấp. Số vốn gốc đã phát sinh tổng cộng là 185.355.000 đồng, lãi phát sinh là 71.643.673 đồng, phí phạt chậm trả phát sinh 16.926.730 đồng, phí phạt chậm trả phát sinh là 16.926.730 đồng; phí vượt hạn mức phát sinh là 4.022.000 đồng;phí thường niên phát sinh là 1.476.925 đồng.

Ông Trần Ngọc H đã thanh toán được tổng cộng 140.502.193 đồng tiền gốc; 47.631.728 đồng tiền lãi; 2.020.079 đồng phí phạt chậm trả và 1.476.925 đồng phí thường niên. Từ ngày 18/6/2022, ông H đã ngừng thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Tính đến ngày 04/9/2024, ông Trần Ngọc H còn nợ Ngân hàng TMCP K số nợ gốc 44.852.807 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.110.800 đồng, phí chậm trả là 14.906.651 đồng và phí phạt vượt hạn mức là 4.022.000 đồng; tổng cộng là 89.892.258 (tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng K có quyền yêu cầu khởi kiện đối với ông H. Đối chiếu số liệu về dư nợ gốc, lãi, phí mà Ngân hàng K yêu cầu ông H phải thanh toán là phù hợp với các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng, phù hợp với quy định pháp luật dân sự, tín dụng, xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K đối với ông Trần Ngọc H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 04/9/2024, là số nợ gốc 44.852.807 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.110.800 đồng, phí chậm trả là 14.906.651 đồng và phí phạt vượt hạn mức là 4.022.000 đồng; tổng cộng là 89.892.258 (tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng cũng như tiền lãi tiếp theo theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông Trần Ngọc H phải chịu án phí dân sự theo quy định. Ngân hàng TMCP K được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Trần Ngọc H.

2. Buộc ông Trần Ngọc H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền là 44.852.807 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.110.800 đồng, phí chậm trả là 14.906.651 đồng và phí phạt vượt hạn mức là 4.022.000 đồng; tổng cộng là 89.892.258 (tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Trần Ngọc H phải nộp 4.494.613 (bốn triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm mười ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.996.000 (Một triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001256 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

4. Nguyên, bị đơn, người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
-Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
-Các đương sự;
-Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thanh Tâm